

Thực trạng và hiệu quả sử dụng dụng cụ tử cung trong kế hoạch hóa gia đình

(Nghiên cứu tại các quận, huyện phía Tây Hà Nội)

Đoàn Kim Thăng

Viện Xã hội học

Tóm tắt: Bài viết dưới đây là kết quả của khảo sát đánh giá thực trạng và hiệu quả sử dụng dụng cụ tử cung (DCTC) của 1.400 phụ nữ độ tuổi sinh đẻ có chồng tại 14 xã/thị trấn thuộc các quận/huyện phía Tây Hà Nội, hai năm 2007 – 2008 nhằm giúp cho các nhà quản lý dân số - kế hoạch hóa gia đình có những định hướng phù hợp để phát huy hiệu quả của biện pháp này đối với người phụ nữ nói riêng và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ nói chung. DCTC được đa số phụ nữ sử dụng đánh giá là một biện pháp lâu dài, tiện lợi, ít tác dụng phụ và dễ sử dụng với gần 90% số phụ nữ được hỏi cho biết sẽ vẫn tiếp tục sử dụng DCTC trong thời gian tới. Các thông tin về sử dụng DCTC trong khảo sát này cung cấp cơ sở dữ liệu cho các cán bộ dân số cũng như y tế trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ và chăm sóc các khách hàng của mình.

Từ khóa: Dụng cụ tử cung; Kế hoạch hóa gia đình; Phụ nữ.

Trong số các biện pháp tránh thai có tới 3/4 dành cho phụ nữ. Dụng cụ tử cung (DCTC)⁽¹⁾ là biện pháp được hơn 50% số phụ nữ có chồng ở nước ta sử dụng. Dụng cụ tử cung là một biện pháp tránh thai tạm thời, nhưng

có tác dụng tránh thai nhiều năm (DCTC Multiload 5 năm; TCU là 10 năm). Khoa học đã chứng minh rằng hiệu quả tránh thai của biện pháp đặt DCTC rất cao (99%), lại thuận tiện cho người sử dụng. Tuy nhiên, DCTC bên cạnh những điểm thuận lợi giúp người phụ nữ có thể thực hiện được KHHGĐ và cũng có thể tiếp tục sinh con khi có nhu cầu một cách dễ dàng, thì biện pháp này cũng còn có một số điểm chưa thuận lợi như: người phụ nữ phải đến cơ sở y tế để đặt và tháo DCTC; cán bộ y tế phải được tập huấn đầy đủ về chỉ định, chống chỉ định, về kỹ thuật và cách theo dõi, chăm sóc, cũng như xử trí khi có bất thường xảy ra; không có tác dụng phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục.

Đánh giá về thực trạng và hiệu quả sử dụng DCTC của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có chồng sẽ giúp cho các nhà quản lý dân số - kế hoạch hóa gia đình có những định hướng phù hợp để phát huy hiệu quả của biện pháp này đối với người phụ nữ nói riêng và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ nói chung.

Địa bàn khảo sát đánh giá bao gồm 14 xã/phường thuộc 14 huyện, thị xã khu vực phía Tây thành phố Hà Nội mở rộng. Số liệu thống kê về công tác Dân số - KHHGĐ, trong 2 năm 2007 – 2008, trên địa bàn các xã thuộc 14 quận/huyện/thị xã cho thấy tình hình sử dụng các BPTT bằng dụng cụ tử cung chiếm khoảng 60% - 70% trong số các BPTT hiện đại.

Khu vực đô thị trong nghiên cứu đánh giá này bao gồm thị xã Hà Đông (vào thời điểm khảo sát là thị xã) và thị xã Sơn Tây với 200 trường hợp (chiếm 14,3%) tổng số mẫu nghiên cứu. Khu vực nông thôn bao gồm các xã thuộc các huyện: Hoài Đức, Đan Phượng, Thạch Thất, Phúc Thọ, Quốc Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Thường Tín, Phú Xuyên, Thanh Oai, Ba Vì và Mỹ Đức với 1.200 trường hợp (chiếm 85,7%).

1. Đặc điểm nhân khẩu học – xã hội mẫu khảo sát đánh giá

Tình hình sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại qua các năm (2007, 2008 và 9/2009)

Theo số liệu sử dụng DCTC của phụ nữ 2 năm 2007-2008 tại các xã được khảo sát, 28,5% số xã có tỷ lệ sử dụng năm sau cao hơn năm trước. Khi xem xét số liệu thống kê 9 tháng đầu năm 2009 thì việc phụ nữ tiếp tục đặt DCTC cao hơn cả năm 2008 chiếm 50% số xã khảo sát.

Độ tuổi phụ nữ được khảo sát

Trong tổng số phụ nữ được khảo sát, phụ nữ ở độ tuổi từ 25-34 chiếm tỷ lệ cao nhất 47,6%; độ tuổi từ 35-44 là 34,6%; độ tuổi 45-49 là 11,9% và phụ nữ 15-24 tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất (5,9%).

Bảng 1. Tỷ lệ phụ nữ sử dụng DCTC trong tổng số sử dụng các BPTT hiện đại tại các xã khảo sát (%).

| Xã/Thị trấn | Năm 2007 | | | Năm 2008 | | | Năm 2009 (Hết tháng 9/2009) | | |
|-------------|----------|-------|-------------|----------|-------|-------------|--------------------------------|-------|-------------|
| | (a) | (b) | (c) | (a) | (b) | (c) | (a) | (b) | (c) |
| Vân Cồn | 1.778 | 1.454 | 81,8 | 1.774 | 1.445 | 81,5 | 1.815 | 208 | 11,5 |
| Tân Lập | 1.974 | 1.804 | 91,4 | 2.114 | 1.804 | 85,3 | 2.223 | 1.862 | 83,8 |
| Thạch Hòa | 1.424 | 1.159 | 81,4 | 1.470 | 1.242 | 84,5 | 1.464 | 1.257 | 85,9 |
| Hiệp Thuận | 1.522 | 1.254 | 82,4 | 1.530 | 1.255 | 82,0 | 1.455 | 1.255 | 86,3 |
| Sài Sơn | 2.074 | 1.598 | 77,0 | 2.199 | 1.578 | 71,8 | 2.283 | 1.272 | 52,7 |
| Xuân Mai | - | - | - | 2.425 | 1.903 | 78,5 | 2.571 | 2.042 | 79,4 |
| Phượng Tú | 1.421 | 1.096 | 77,1 | 1.342 | 1.039 | 77,4 | 1.550 | 1.157 | 74,6 |
| Nguyễn Trãi | 1.364 | 1.050 | 76,9 | 1.492 | 1.170 | 78,4 | 1.593 | 1.281 | 80,4 |
| Minh Tân | 2.030 | 1.866 | 91,9 | 1.872 | 1.629 | 87,0 | 1.924 | 1.743 | 90,6 |
| Hồng Dương | 1.531 | 1.160 | 75,8 | 1.514 | 1.137 | 75,1 | 1.565 | 1.178 | 75,3 |
| Tây Đằng | 1.786 | 1.423 | 79,7 | 1.779 | 1.423 | 80,0 | 2.504 | 1.767 | 70,6 |
| Lê Thanh | 1.370 | 1.230 | 89,8 | 1.423 | 1.165 | 81,9 | 1.489 | 1.285 | 86,3 |
| Dương Nội | - | 1.621 | - | - | 1.618 | - | - | 1.931 | - |
| Sơn Đồng | 1.347 | 252 | 18,7 | 1.251 | 251 | 20,1 | 1.151 | 253 | 22,0 |

Chú thích: (a) Tổng số PN 15 – 49 sử dụng BPTT hiện đại;
 (b) Tổng số PN 15 – 49 sử dụng DCTC;
 (c) Tỷ lệ sử dụng DCTC.

Dân tộc

Phụ nữ dân tộc Kinh trong khảo sát này chiếm tỷ lệ cao nhất 99,7%; phụ nữ là người dân tộc khác 0,2%. Có 0,1% phụ nữ được hỏi không bày tỏ về thành phần dân tộc trong khi phỏng vấn.

Tôn giáo

Có 61,1% phụ nữ được hỏi không theo tôn giáo nào; đạo Phật 31,5%; phụ nữ theo Thiên chúa giáo, Hòa hảo, Tin lành 4,9%.

Học vấn

Phụ nữ có trình độ học vấn trung học cơ sở chiếm tỷ lệ cao nhất 60,9%; trung học phổ thông 22,7%; trình độ Cao đẳng/Đại học 4,9%; trên Đại học 0,2%. Phụ nữ không biết đọc, viết chiếm tỷ lệ thấp 0,2%.

Tình trạng hôn nhân

Trong số 1.400 phụ nữ tham gia trả lời phỏng vấn, 99,5% hiện đang có chồng; 0,5% phụ nữ ly dị/ly thân/goá. Có 0,5% số phụ nữ được hỏi có chồng đi công tác xa trên 6 tháng.

Số con hiện có

Trong số phụ nữ được hỏi, 65,9% hiện có 2 con; 19,2% có 1 con; 10,4% có 3 con và 4,4% hiện có nhiều hơn 3 con. Số con trung bình của một phụ nữ được hỏi trong khảo sát này là 2,19 con. Phụ nữ được hỏi có số con nhiều nhất là 6 con và ít nhất là 1 con.

Nghề nghiệp

Phụ nữ được hỏi là nông dân chiếm tỷ lệ cao nhất 76,9%; công nhân 6,2%; cán bộ đoàn thể 2,4%; cán bộ nhà nước bao gồm cả giáo viên 6,5%; buôn bán dịch vụ 5,9% và các nghề khác 1,9%.

2. Thực trạng sử dụng biện pháp DCTC của phụ nữ tại các xã khảo sát

Tình hình sử dụng biện pháp DCTC của phụ nữ

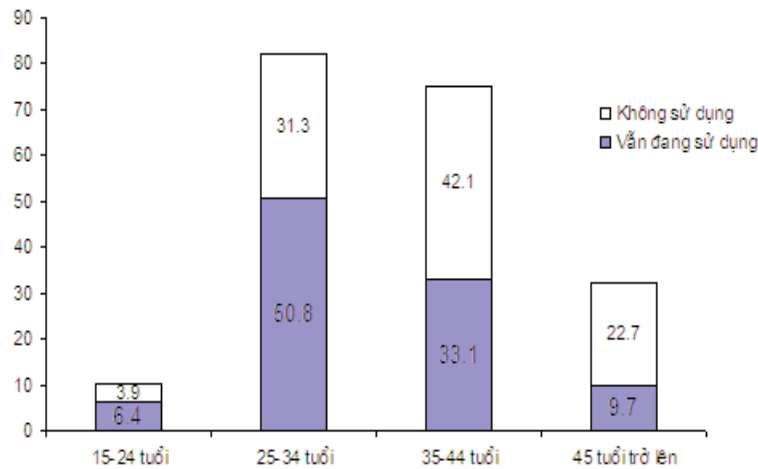
Kết quả cuộc khảo sát cho biết 44,6% số phụ nữ được hỏi có biết tên loại DCTC TCU 380; 2,3% kể được tên biện pháp DCTC Multiload, trong khi đó gần 1/2 số phụ nữ được hỏi không biết loại DCTC mình đang sử dụng là gì (47,5%).

Khi được hỏi: “Hiện tại chị có đang sử dụng biện pháp DCTC không?”, 80,9% tổng số phụ nữ được hỏi nói rằng hiện đang sử dụng biện pháp DCTC để tránh thai và KHHGĐ. 18,1% cho biết hiện tại không sử dụng biện pháp DCTC. Một số lượng nhỏ (0,9%) không bày tỏ ý kiến khi hỏi về vấn đề này.

Trong số 1.133 phụ nữ sử dụng DCTC có 46,9% cho biết họ dùng loại TCU 380A; 2,4% nói rằng dùng loại Multiload; và 49,9% không biết loại mình đang sử dụng là loại DCTC tên là gì.

Lý do sử dụng DCTC khá đa dạng có 42,9% số phụ nữ được hỏi cho biết họ chọn sử dụng DCTC vì mục đích phòng tránh thai; 24,4% cho biết sử dụng DCTC vì an toàn; 13,8% cho biết sử dụng vì tiện lợi trong sinh hoạt vợ chồng.

Khoảng thời gian người phụ nữ được hỏi đã sử dụng biện pháp DCTC cũng cho thấy những mức độ khác nhau giữa các nhóm phụ nữ. Trong số 1.400 phụ nữ được hỏi thì người đã sử dụng DCTC lâu nhất là 31 năm và

Biểu 1. Tương quan giữa độ tuổi phụ nữ và việc sử dụng DCTC (%)

người sử dụng gần nhất là 1 năm. Trung bình cho các phụ nữ được hỏi nói rằng có sử dụng DCTC là 6,6 năm.

Độ tuổi của phụ nữ được hỏi cũng có mối quan hệ khá rõ với việc sử dụng biện pháp DCTC. Nhóm phụ nữ 25 – 34 tuổi có tỷ lệ tiếp tục duy trì việc sử dụng DCTC cao nhất (50,8%).

Thái độ của người chồng, vai trò tư vấn của các đoàn thể và việc tiếp cận thông tin về DCTC của người phụ nữ

Trả lời câu hỏi: “Trước khi đặt DCTC chị có bàn bạc với chồng không?” có 95,6% phụ nữ có bàn bạc với chồng; 3,6% không bàn bạc với chồng. Trong số những người phụ nữ có bàn bạc với chồng trước khi đặt DCTC thì 98,1% người chồng ủng hộ vợ đặt DCTC. Còn có 1,6% phụ nữ được hỏi cho biết họ “không rõ thái độ của chồng” như thế nào và 0,3% cho rằng chồng họ không ủng hộ đặt DCTC.

Về thái độ của người chồng khi biết vợ đặt DCTC: 96,5% phụ nữ được hỏi nói rằng chồng họ có biết họ sử dụng DCTC, trong đó 87,4% phụ nữ cho biết chồng họ hài lòng khi họ đặt DCTC và 1,6% cho biết “không rõ thái độ của chồng” về việc họ dùng DCTC.

Những phụ nữ hiện có sử dụng DCTC cho biết trước khi đặt DCTC họ có được tư vấn là 86%; không được tư vấn: 13%. Cán bộ tư vấn cho phụ nữ trước khi họ đặt DCTC chủ yếu là cán bộ dân số xã (40,6%); cán bộ

Bảng 2. Tương quan giữa nghề nghiệp với tiếp nhận thông tin về DCTC (%)

| Nguồn TT | Nông dân | | Công nhân | | CB đoàn thể | | Cán bộ NN | | Buôn bán | | Khác | |
|--------------|----------|------|-----------|------|-------------|------|-----------|------|----------|------|------|------|
| | N | % | N | % | N | % | N | % | N | % | N | % |
| Tivi/Đài/Báo | 372 | 40,2 | 31 | 41,9 | 10 | 33,3 | 32 | 42,1 | 27 | 38,6 | 06 | 25,0 |
| CBTrạm y tế | 634 | 68,5 | 42 | 56,8 | 18 | 60,0 | 44 | 57,9 | 38 | 54,3 | 07 | 29,2 |
| CB Dân số | 611 | 66,1 | 50 | 67,6 | 22 | 73,3 | 50 | 65,8 | 43 | 61,4 | 18 | 75,0 |
| SH đoàn thể | 236 | 25,5 | 17 | 23,0 | 10 | 33,3 | 15 | 19,7 | 14 | 20,0 | 06 | 25,0 |
| Từ chồng | 104 | 11,2 | 03 | 4,1 | 03 | 10,0 | 08 | 10,5 | 07 | 10,0 | 01 | 4,2 |
| Từ bạn bè | 117 | 12,6 | 02 | 2,7 | 03 | 10,0 | 08 | 10,5 | 10 | 14,3 | 03 | 12,5 |
| Nguồn khác | 06 | 0,6 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Tổng số | 925 | 100% | 74 | 100% | 30 | 100% | 76 | 100% | 70 | 100% | 24 | 100% |

trạm y tế xã (31,7%); cán bộ phụ nữ (19,9%) và cán bộ thanh niên là 0,2%.

Nguồn tiếp cận thông tin về biện pháp DCTC của phụ nữ là khá đa dạng. Đa số các phụ nữ được hỏi cho biết họ biết thông tin về biện pháp DCTC từ “cán bộ dân số xã” (66,1%) và từ “cán bộ trạm y tế” (65,4%). Ngoài hai nguồn thông tin chủ yếu đó, các nguồn thông tin khác cũng được phụ nữ tiếp nhận như: Tivi/đài/báo (39,8%); từ các sinh hoạt đoàn thể (25,0%); từ bạn bè (12,0%); và từ chồng nói lại cho biết (10,6%).

Cũng có sự khác biệt về tiếp nhận thông tin từ các kênh khác nhau về DCTC khi so sánh giữa phụ nữ khu vực nông thôn và đô thị. Phụ nữ ở các khu vực đô thị có nhiều điều kiện để tiếp nhận các thông tin về BPTT trong đó có DCTC cao hơn phụ nữ ở nông thôn. Tuy nhiên, sự khác biệt này là không lớn lắm.

Phụ nữ ở các nhóm nghề nghiệp khác nhau đều có tỷ lệ cao trong việc tiếp nhận thông tin về DCTC thông qua mạng lưới cán bộ dân số xã/phường. Tuy nhiên về các nguồn thông tin cụ thể, thì ở mỗi nhóm nghề nghiệp khác nhau người phụ nữ lại có những ưu tiên khác nhau về tiếp nhận nguồn thông tin. Nhóm phụ nữ nông dân dành ưu tiên nhiều hơn cho việc tiếp nhận thông tin từ cán bộ Trạm y tế xã (68,5%); nhóm nữ công nhân, cán bộ đoàn thể, cán bộ nhà nước và những người buôn bán dịch vụ lại có tỷ lệ cao tiếp nhận thông tin từ cán bộ y tế xã/phường (67,6%; 73,3%; 65,8%; 61,4%). Trao đổi giữa vợ chồng trong gia đình về các vấn đề KHHGD cũng như sử dụng biện pháp tránh thai còn khá hạn chế ở các nhóm đối tượng được khảo sát. Kênh thông tin trao đổi trực tiếp từ bạn bè

tỷ lệ cũng khá thấp, nhất là trong nhóm nữ công nhân.

3. Hiệu quả sử dụng DCTC của phụ nữ tại các điểm khảo sát

Sử dụng biện pháp DCTC tác động đến sức khỏe người phụ nữ

Theo kết quả khảo sát, 65,4% số phụ nữ được hỏi cho biết đặt DCTC không ảnh hưởng gì tới sức khỏe của họ; 33,9% cho biết việc đặt DCTC có ảnh hưởng tới sức khỏe và 0,7% không bày tỏ ý kiến gì về vấn đề này. Trong số những phụ nữ được hỏi 15,2% nói rằng đặt DCTC gây đau lưng; 7,0% đau bụng; 1,9% đau đầu và các biểu hiện khác cũng có nhưng tỷ lệ không đáng kể.

Trả lời câu hỏi: “Liệu đặt DCTC có gây ra những điều gì ảnh hưởng tới chu kỳ kinh nguyệt của người phụ nữ hay không?”, 71,6% cho rằng sau khi đặt DCTC thì kinh nguyệt của họ vẫn đều; 26,8% cho biết chu kỳ kinh nguyệt không đều; 0,7% không biết kinh nguyệt có đều hay không và 0,9% không có ý kiến gì. So với trước khi đặt DCTC, có 57,0% số phụ nữ được hỏi cho biết chu kỳ kinh nguyệt của họ “vẫn như cũ”; 32,1% cho biết chu kỳ kinh nguyệt của họ “dài hơn trước”; 8,4% cho biết chu kỳ kinh của họ “ngắn hơn trước” và 1,5% “không có ý kiến” về vấn đề này.

Sử dụng biện pháp DCTC là một trong các biện pháp để tránh thai và KHHGĐ. Tuy nhiên các tác động phụ của mỗi một biện pháp đều là mối quan tâm của người sử dụng cũng như nhà cung cấp dịch vụ. Trả lời câu hỏi: “Khi đặt DCTC, chị có cảm thấy khó khăn, ảnh hưởng gì đến công việc hàng ngày và sinh hoạt vợ chồng hay không?”, kết quả cho thấy 93,0% số phụ nữ được hỏi nói rằng đặt DCTC không ảnh hưởng gì đáng kể đến lao động sản xuất; 94,2% nói rằng không ảnh hưởng gì đến công việc gia đình và 92,4% cũng cho rằng không có ảnh hưởng gì đến sinh hoạt tình dục vợ chồng.

Khác với các biện pháp tránh thai như viên uống tránh thai, bao cao su hoặc các biện pháp tránh thai truyền thống, biện pháp đặt DCTC đòi hỏi phải có sự can thiệp giúp đỡ của các bác sỹ hoặc các nhân viên y tế. Do đó việc tiếp cận với các bác sỹ và nhân viên y tế là cần thiết khi có những trục trặc do DCTC gây ra. Có 19,8% số phụ nữ được hỏi cho biết họ đã đến gặp các bác sỹ hoặc nhân viên y tế khi có những rắc rối do đặt DCTC gây ra.

Nghề nghiệp người được hỏi trong khảo sát đánh giá này không có khác biệt nhiều trong tương quan với việc người phụ nữ có đi gặp bác sỹ hoặc nhân viên y tế hay không khi có những vấn đề rắc rối xảy ra do đặt DCTC. Tuy nhiên độ tuổi người phụ nữ có sự khác biệt về tỷ lệ đi gặp bác

sỹ hoặc các nhân viên y tế.

Khi có chuyện rắc rối xảy ra do sử dụng DCTC, 44,4% nhóm phụ nữ 25 – 34 tuổi có “đi gặp bác sỹ hoặc nhân viên y tế”; 36,5% nhóm 36 – 44 tuổi có “đi gặp bác sỹ hoặc các nhân viên y tế”. Tỷ lệ phụ nữ đi gặp bác sỹ hoặc nhân viên y tế thấp hơn ở 2 nhóm: 45-49 tuổi (15,2%) và tỷ lệ thấp nhất là nhóm phụ nữ trẻ 15 – 24 tuổi (4,0%).

Trong số 19,8% số phụ nữ được hỏi nói rằng “có đi gặp bác sỹ hoặc các nhân viên y tế” khi có các vấn đề rắc rối do sử dụng DCTC gây ra, thì vấn đề được đề cập nhiều nhất là: đau bụng (15,2%); đau lưng (13,0%); rong kinh (9,4%); viêm nhiễm (7,9%); ra khí hư (5,4%); rối loạn kinh nguyệt (1,4%) và một số biểu hiện khác, nhưng ít hơn.

Hiệu quả việc sử dụng biện pháp DCTC

Tiếp tục sử dụng biện pháp DCTC

Có 82,4% số phụ nữ trong nghiên cứu đánh giá này nói rằng hiện tại họ vẫn đang sử dụng DCTC; 16,6% cho biết hiện tại không sử dụng và 0,9% không trả lời. Trong số những người hiện tại không sử dụng DCTC, có 82,8% cho biết họ nhờ nhân viên y tế tháo ra; 12,4% cho biết DCTC bị rơi ra với nhiều nguyên nhân khác nhau như: do lao động nặng nhọc, vô tình bị rơi ra trong khi có quan hệ tình dục

Việc tiếp tục sử dụng biện pháp tránh thai và mức độ để thỏa mãn khi sử dụng các biện pháp không chỉ phụ thuộc vào sự sẵn có và sự tiện dụng của biện pháp, mà còn phụ thuộc vào độ tuổi của người, cũng như sự tham gia vào quá trình sinh đẻ của họ. Vì vậy, độ tuổi của phụ nữ có ảnh hưởng tới sự thích nghi và khả năng chấp nhận sử dụng BPTT nhất định nào đó.

Nhóm phụ nữ độ tuổi 25-34 đang tham gia mạnh vào quá trình sinh đẻ có mức độ tiếp tục sử dụng biện pháp đặt DCTC cao hơn (50,8%). Các nhóm phụ nữ khác mức độ tiếp tục sử dụng thấp hơn: 33,1% ở nhóm phụ nữ 35 - 44 tuổi; 9,7% ở nhóm phụ nữ 45-49 tuổi và thấp nhất là 6,4% ở nhóm phụ nữ trẻ 15 -24 tuổi.

Về tương quan giữa nghề nghiệp phụ nữ được hỏi với việc tiếp tục sử dụng biện pháp DCTC, cho thấy có sự khác biệt giữa các nhóm phụ nữ là nông dân, công nhân, cán bộ nhà nước, buôn bán dịch vụ và các nhóm khác. Nhóm phụ nữ nông dân vẫn duy trì sử dụng DCTC cao nhất (77,2%), trong khi các nhóm phụ nữ khác tiếp tục duy trì việc sử dụng DCTC thấp hơn.

Xem xét về số con hiện có của người được hỏi trong tương quan với việc tiếp tục sử dụng DCTC cho thấy phụ nữ được hỏi hiện tại có 2 con vẫn tiếp tục sử dụng DCTC cao nhất (66,5%); phụ nữ hiện tại chỉ có 1 con:

11,1% hoặc đã 3 con: 18,6%.

Trong số những người hiện đang sử dụng biện pháp DCTC, có 86,1% cho biết họ không sử dụng loại DCTC khác; 13,9% cho biết họ có sử dụng loại khác như: Nova T; TCu 220C...

Tính tiện dụng của DCTC

Có 96,4% phụ nữ được hỏi cho biết DCTC là tiện sử dụng, chỉ có 0,9% cho rằng bất tiện. 2,7% không bày tỏ ý kiến của mình khi hỏi về tính tiện dụng của biện pháp này.

Phụ nữ ở các nhóm nghề nghiệp khác nhau đều có tỷ lệ cao nhận xét là DCTC tiện sử dụng.

Về các nhóm tuổi người phụ nữ, tỷ lệ cho rằng DCTC là rất tiện dụng là: 47,4% với nhóm 25 – 34 tuổi; 34,9% nhóm 35 – 44 tuổi; 11,7% nhóm phụ nữ 45-49 tuổi và 6,0% nhóm phụ nữ 15 -24 tuổi. Cũng còn một tỷ lệ nhỏ tập trung ở nhóm phụ nữ trẻ tuổi nêu những bất tiện khi sử dụng biện pháp DCTC hoặc không bày tỏ quan điểm của mình về tính tiện dụng của biện pháp DCTC này

Tính an toàn của DCTC

Tính an toàn của DCTC cho sức khỏe cũng là yếu tố được người sử dụng quan tâm. 93,6% nói rằng hiện tại họ thấy đặt DCTC là an toàn cho sức khỏe; 1,1% cho rằng dùng DCTC là nguy hiểm. Tuy nhiên cũng có 4,4% phụ nữ được hỏi lại không bày tỏ gì về vấn đề này.

Xem xét vấn đề về tính an toàn của biện pháp DCTC đến sức khỏe người sử dụng trong tương quan với phụ nữ ở các nhóm nghề nghiệp xã hội khác nhau, các kết quả cho thấy phụ nữ ở các nhóm tuổi khác nhau đều đánh giá DCTC là biện pháp có tính an toàn cao. Đây là dấu hiệu tốt để phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ tiếp tục duy trì việc sử dụng biện pháp này.

Hiệu quả của DCTC

Dụng cụ tử cung là một biện pháp tránh thai có hiệu quả, an toàn. Tuy nhiên hiệu quả của DCTC lại chịu ảnh hưởng bởi các đặc điểm của dụng cụ, kỹ năng của người thao tác, cũng như bởi đặc tính của người sử dụng như: tuổi, số lần sinh con... của phụ nữ. Theo các nhà y học thì hầu hết DCTC có tỷ lệ tiếp tục sử dụng cao, như vòng TCu 380A có hiệu quả sử dụng tới 10 năm.

Trong cuộc khảo sát, 96,6% phụ nữ được hỏi cho biết dùng DCTC có hiệu quả trong việc phòng tránh thai; 0,6% cho rằng không hiệu quả và 2,1% nói không biết hoặc không bày tỏ ý kiến gì về vấn đề này.

Không có khác biệt trong đánh giá hiệu quả của biện pháp DCTC giữa những người phụ nữ có số con khác nhau. Phụ nữ có từ 1 con, 2 con, 3 con và nhiều hơn 3 con đều cho rằng sử dụng DCTC có hiệu quả cao trong tránh thai và kế hoạch hóa gia đình.

Sự hài lòng về biện pháp DCTC

Trong việc lựa chọn biện pháp tránh thai, người sử dụng thường rất cần biết rõ việc sử dụng biện pháp này sẽ ảnh hưởng như thế nào tới đời sống gia đình của mình. Đôi khi một biện pháp nào đó không được người phụ nữ chấp nhận chỉ đơn giản vì nó không thuận tiện với thói quen hàng ngày và như vậy gây nên sự không hài lòng cho người sử dụng. Trong trường hợp này DCTC dường như lại là thuận tiện và hiệu quả và tạo được sự cảm tình hơn đối với những phụ nữ nông thôn? Mặc dù vậy, 95,0% phụ nữ được hỏi trong nghiên cứu này đều cho biết họ hài lòng với việc sử dụng DCTC trong việc tránh thai và KHHGĐ. Tuy nhiên cũng vì nhiều lý do khác nhau nên còn 2,6% số phụ nữ được hỏi không hài lòng về biện pháp DCTC. Có 2,4% phụ nữ được hỏi không tỏ thái độ gì khi hỏi về việc sử dụng biện pháp DCTC như thế nào.

Khi xem xét tương quan giữa các nhóm nghề nghiệp của phụ nữ với mức độ hài lòng về biện pháp DCTC, cho thấy tỷ lệ hài lòng về DCTC khá đồng đều ở các nhóm nghề nghiệp khác nhau của phụ nữ. Kết quả khảo sát cũng cho thấy mức độ hài lòng về biện pháp DCTC là khá cao ở các nhóm phụ nữ có số con hiện có khác nhau.

Dụng cụ tử cung là biện pháp cho hiệu quả tránh thai cao trong số các biện pháp tránh thai hiện đại khác. Việc tuyên truyền trực tiếp để áp dụng trong các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ là rất cần thiết để gia tăng tỷ lệ người sử dụng biện pháp này. 76,0% số phụ nữ được hỏi cho biết họ “có khuyên những người xung quanh sử dụng”; 20,7% phụ nữ được hỏi nói rằng họ “không khuyên ai” sử dụng biện pháp này.

Nhóm phụ nữ từ 25 - 34 tuổi có tỷ lệ khuyên những phụ nữ khác trong cộng đồng sử dụng DCTC cao nhất (48,8%); nhóm 35 – 44 tuổi: 33,6%; nhóm 45-49 tuổi: 12,4% và thấp nhất là nhóm 15 – 24 tuổi: 5,5%.

4. Kết luận

Thực trạng sử dụng DCTC

(i) Trong hai năm 2007 – 2008, tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có chồng tại các xã thuộc các quận/huyện phía Tây Hà Nội duy trì việc sử dụng DCTC khá ổn định. Bên cạnh đó, 28,5% số địa phương có tỷ lệ sử dụng DCTC năm sau tăng cao hơn so với năm trước.

(ii) Trong tổng số phụ nữ có sử dụng DCTC trong 2 năm 2007- 2008, tỷ lệ đặt lại DCTC là 13,9% trong đó 1/3 là các loại DCTC mà bản thân người được hỏi không kể được tên; một số ít, khoảng 15% cho biết đó là loại dụng cụ tử cung TCU 380A.

(iii) Tỷ lệ cao các ý kiến phụ nữ cho biết tác dụng của DCTC là để tránh thai. Phương pháp tránh thai này sử dụng cho một số phụ nữ rất có hiệu quả, an toàn và có thể tháo ra dễ dàng nhờ sự can thiệp giúp đỡ của các nhân viên y tế. DCTC đặc biệt sử dụng có hiệu quả đối với những phụ nữ không bị các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục (STDs) và vừa mới sinh con.

(iv) Nhóm phụ nữ nông dân có tỷ lệ duy trì việc sử dụng DCTC cao nhất, trong khi đó các nhóm phụ nữ khác lại không duy trì việc sử dụng DCTC lâu dài hoặc là họ lựa chọn cho mình các BPTT hiện đại khác phù hợp hơn với điều kiện của mình.

(v) Các kết quả cũng cho thấy thời gian người phụ nữ được hỏi trong khảo sát đánh giá này sử dụng DCTC lâu nhất là 31 năm và gần đây nhất là 01 năm. Nhóm tuổi phụ nữ 25 –34 tuổi trong khảo sát này có tỷ lệ sử dụng DCTC cao hơn các nhóm khác.

Nguồn thông tin về DCTC

(i) Nguồn thông tin mà người phụ nữ được tiếp nhận về biện pháp DCTC là khá đa dạng. Tuy nhiên có hai kênh thông tin mà phụ nữ tiếp nhận với tỷ lệ cao nhất là cán bộ dân số và cán bộ Trạm y tế cơ sở. Các kênh thông tin phi chính thức khác là trao đổi vợ chồng và trao đổi bạn bè có tỷ lệ tiếp nhận thấp.

(ii) Sự khác biệt trong tiếp nhận thông tin về biện pháp tránh thai nói chung và DCTC nói riêng ở hai địa bàn nông thôn và đô thị là không đáng kể.

Hiệu quả sử dụng DCTC

(i) Các ý kiến phụ nữ sử dụng DCTC cho rằng, DCTC có tác dụng tránh thai cao (xấp xỉ 100%), không mất nhiều thời gian khi sử dụng, tiện dụng và thời gian có thể kéo dài tới 10 năm đối với TCU 380A.

(ii) Chấp nhận sử dụng DCTC như một biện pháp KHHGĐ có hiệu quả cao, nhưng 1/3 số phụ nữ được hỏi cũng cho rằng DCTC còn gây ra một số tác dụng phụ ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng. Ảnh hưởng do DCTC gây ra chủ yếu là đau lưng, sau đó một số biểu hiện khác là đau bụng và một số người cảm thấy mệt mỏi khi sử dụng DCTC.

(iii) Các ý kiến phụ nữ được hỏi cũng cho rằng sử dụng DCTC không

có ảnh hưởng gì đáng kể đến lao động sản xuất, công việc gia đình và đặc biệt là sinh hoạt tình dục vợ chồng.

Việc tiếp tục sử dụng và tuyên truyền việc sử dụng trong cộng đồng

(i) Kết quả khảo sát 1.400 phụ nữ độ tuổi sinh đẻ có chồng tại 14 xã/thị trấn thuộc các quận/huyện phía Tây Hà Nội cho thấy có gần 90% số phụ nữ được hỏi vẫn tiếp tục sử dụng DCTC tại thời điểm khảo sát và trong thời gian tới. Tuy nhiên cũng còn 16,6% phụ nữ được hỏi không tiếp tục sử dụng DCTC nữa do đã lớn tuổi, do viêm nhiễm phải sử dụng biện pháp khác...

(ii) Có một tỷ lệ nhỏ (>10%) những phụ nữ sử dụng DCTC nói rằng DCTC bị rơi do nhiều nguyên nhân khác nhau như: lao động nặng, rơi ra trong khi có quan hệ vợ chồng...Số phụ nữ này muốn tiếp tục được đặt mới DCTC mà loại dụng cụ tử cung đó là TCU 380A.

(iii) Việc tuyên truyền cho người khác sử dụng DCTC chủ yếu tập trung cao ở nhóm phụ nữ 25 – 34 tuổi, nhóm phụ nữ đang sung mãn trong quá trình sinh đẻ (chiếm gần 50% số người được hỏi). Nhóm phụ nữ trẻ hơn (15 – 24 tuổi) chưa có nhiều kinh nghiệm trong KHHGD nên việc tư vấn cho người khác còn hạn chế.

5. Kiến nghị và giải pháp

(i) Những năm gần đây các biện pháp tránh thai hiện đại đang được sử dụng rộng rãi trong các Chương trình KHHGD ở nước ta, trong đó có DCTC. DCTC được nhiều cặp vợ chồng biết đến vì đây là một biện pháp lâu dài, tiện lợi, ít tác dụng phụ và dễ sử dụng. Tuy nhiên mỗi một biện pháp tránh thai đều có những mặt thuận lợi và bất lợi mà nó mang lại. Không có duy nhất một biện pháp nào phù hợp cho tất cả mọi người sử dụng và đối với một số nhóm người thì một vài biện pháp lại không sử dụng được do những chống chỉ định, trong đó ngay cả DCTC cũng vậy. Để đưa ra một sự lựa chọn thích hợp nhất đối với biện pháp nào đó cho người sử dụng, thì điều vô cùng quan trọng đối với người quản lý chương trình KHHGD là cần phải truyền thông rõ ràng về tính hiệu quả và an toàn của biện pháp. Về phần này việc tuyên truyền để các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng DCTC cũng không nằm ngoài phạm vi đó.

(ii) Độ tuổi của phụ nữ có ảnh hưởng tới sự thích hợp và khả năng chấp nhận những biện pháp tránh thai nhất định. Các nghiên cứu cũng cho thấy rằng DCTC thích hợp với phụ nữ đứng tuổi và đã trải qua quá trình sinh đẻ. DCTC đối với phụ nữ ở lứa tuổi 40 trở lên có thể sử dụng liên tục tại chỗ cho đến khi mãn kinh. Công tác truyền thông về chăm sóc sức khỏe

sinh sản và KHHGD cần tuyên truyền rộng rãi nội dung này đến các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ.

(iii) Quan hệ của người phụ nữ với chồng cũng là một nhân tố quyết định việc lựa chọn biện pháp tránh thai cụ thể nào đó cho gia đình họ. Khảo sát chỉ ra rằng việc trao đổi thông tin giữa vợ và chồng về sử dụng DCTC còn rất hạn chế. Cần tăng cường kênh thông tin này để các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng BPTT sao cho có hiệu quả và tiện dụng nhất.

(iv) Các thông tin về sử dụng DCTC được phụ nữ trong khảo sát này tiếp nhận chủ yếu từ các cán bộ Dân số xã/phường và các cán bộ Trạm y tế cơ sở, vì gần với người dân nhất. Đây là điều kiện tốt để các cán bộ dân số cũng như y tế có nhiều điều kiện cải thiện việc cung cấp dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc cho các khách hàng của mình. Bên cạnh việc tuyên truyền và cung cấp dịch vụ, thì một hoạt động rất cần thiết đó là tư vấn cho các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ về cách sử dụng các biện pháp tránh thai để phù hợp với mỗi hoàn cảnh, điều kiện sức khỏe của mỗi người phụ nữ và các cặp vợ chồng. Để làm tốt được điều này, công tác đào tạo nâng cao kiến thức cho các cán bộ dân số cũng như cán bộ y tế cần được triển khai và có đầu tư kinh phí thích hợp.

(v) Sự thuận tiện của biện pháp tránh thai cũng là nhân tố quan trọng để người sử dụng dùng lâu dài biện pháp đó. Đôi khi một biện pháp không được một người phụ nữ chấp nhận đơn giản vì nó không thuận tiện cho sinh hoạt vợ chồng của họ. Do đó tăng cường truyền thông về biện pháp là rất cần thiết để gia tăng và duy trì số người sử dụng.

(vi) Cuối cùng, công tác kiểm tra giám sát khám sàng lọc để nắm bắt được tình hình sử dụng các biện pháp tránh thai, trong đó có biện pháp DCTC cần được làm thường xuyên theo quý, năm để có những can thiệp giúp đỡ kịp thời đối với người sử dụng. Điều này cũng có nghĩa là bảo đảm cho chương trình KHHGD được thực hiện tốt và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Dụng cụ tử cung (vòng tránh thai) thường được gọi là vòng vì trước đây nó có hình vòng tròn hay hình bánh xe. Nó có tác dụng không cho trứng đã thụ tinh làm tổ. Hiệu quả tránh thụ thai đạt 95-97%. Đây là biện pháp tránh thai phù hợp với những phụ nữ đã có một con hoặc đã có đủ số con mong muốn. Dụng cụ tử cung không phòng tránh được bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV/AIDS.